TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 11/9/2018
V/v " Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/7, 06,11/9/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ–ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Anh Phan Văn N, sinh năm 1973

Địa chỉ: 47/TLA, ấp Tân Lộc A, xã Tân D, L, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Đăng K, sinh năm 1981

Địa chỉ: 13, Trần Quốc Toản, khóm 1, phường 2, Tp. S, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 306, ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A, H, Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo là anh Trần Văn N là nguyên đơn của vụ án.

(Anh N, chị K có mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn anh Phan Văn N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh N, chị K chung sống vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 18/8/1999 tại UBND xã Tân D, huyện L, Đồng Tháp. Hôn nhân giữa anh N, chị K là do mai mối, không có tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà anh N tại xã Tân D, huyện L. Đến năm 2007 vợ chồng về sống bên nhà mẹ chị K tại xã An Hiệp, C, Đồng Tháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc. Tiền của gia đình giao cho chị K quản lý, nhưng khi anh N hỏi thì chị K nói sử dụng hết rồi, không biết sử dụng mục đích gì nên anh N buồn. Đến đầu năm 2015, anh N nhận thấy sống chung chị K không còn hạnh phúc và bỏ về nhà mẹ ruột xã T sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn, anh N yêu cầu ly hôn chị K.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Phan Thị Mộng T, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng T, sinh ngày 01/01/2002 (hiện đang sống với chị K). Khi ly hôn, anh N đồng ý chị K được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng đến đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Anh N xác định gồm:

+ 01 xe môtô hiệu Future biển số 66L1-03964 màu đen xám vàng do chị K đứng tên, 01 xe cúp 81 (không có giấy tờ). Hiện 02 xe do chị K đang quản lý. Anh N, chị K thỏa thuận chị K được tiếp tục quản lý sử dụng và không trả giá trị cho anh N.

+ 01 dàn láp, 07 ống bọng, 01 chiếc xuồng (không có giấy tờ). Hiện tài sản anh N đang quản lý sử dụng. Anh N, chị K thoả thuận anh N được tiếp tục quản lý sử dụng và không trả giá trị cho chị K.

+ Xe tải hiệu Kia (trọng lượng 1,4 tấn), biển số 63L-6156 do anh Nguyễn Diệp T đứng tên chủ sở hữu, anh N đang quản lý, giá trị sử dụng anh N, chị K thoả thuận thống nhất giá trị xe tải hiệu Kia còn lại 100.000.000đ và lợi nhuận thu từ xe (2015-2016) là 20.000.000đ. Anh N và chị K thoả thuận, anh N chia cho chị K 60.000.000đ (½ giá trị xe + lợi nhuận). Anh N được sở hữu xe tải hiệu Kia.

+ Motor bơm nước (03 ngựa), chị K đang quản lý, giá trị còn lại 4.000.000đ anh N yêu cầu được sở hữu motor bơm nước, anh N đồng ý trả ½ giá trị motor là 2.000.000đ cho chị K.

Tổng cộng tài sản chung thống nhất thỏa thuận trị giá 124.000.000đ anh N yêu cầu được chia ½ là 62.000.000đ và yêu cầu được sở hữu tài sản xe tải, motor.

+ Tiền gởi tiết kiệm tại Ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL (nay là Ngân

hàng đầu tư và phát triển) Phòng giao dịch Nha Mân số tiền 200.000.000đ do chị K đứng tên chủ tài khoản, thời gian gởi từ năm 2010, có tiền lãi. Anh N yêu cầu chị K chia cho anh N được sở hữu 100.000.000đ, chị K được sở hữu 100.000.000đ, về tiền lãi hiện không còn nên không yêu cầu tranh chấp.

+ Đối với số tiền đầu tư đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp, huyện C, Đồng Tháp và số tiền đầu tư đào ao nuôi óa ở xã T, L, Đồng Tháp anh N và chị K thỏa thuận thống nhất số tiền đầu tư đào ao nuôi cá tại An Hiệp 100.000.000đ, ao ở T 100.000.000đ nên không yêu cầu Toà tiến hành thẩm định. Anh N yêu cầu được chia số tiền 50.000.000đ đầu tư đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp và anh N không đồng ý chia chi phí đào ao nuôi cá ở T cho chị K. Đối với cá trong ao anh N không yêu cầu tranh chấp.

- *Về nợ chung*: Anh N xác định có nợ tiền mua cá bột của anh Nguyễn Văn D là 30.000.000đ, anh N đồng ý trả cho anh D 15.000.000đ, chị K trả cho anh D 15.000.000đ.

+ Đối với số tiền vay 200.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Sa Đéc hiện anh N đã trả Ngân hàng xong, anh N yêu cầu chị K trả lại 100.000.000đ. Ngoài ra, không còn ý kiến gì khác.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay bị đơn chị Võ Thị Đăng K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K thống nhất theo lời trình bày của anh N về thời gian chung sống, kết hôn, có tổ chức đám cưới, hôn nhân do mai mối. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh N.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị K khuyên nhiều lần nhưng anh N không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cải làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ đầu năm 2015 anh N bỏ về nhà mẹ ruột ở Tân Dương sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay chị K không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị K đồng ý ly hôn anh N.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Phan Thị Mộng T, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng T, sinh ngày 01/01/2002 (hiện đang sống với chị K). Khi ly hôn, chị K yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng đến đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Chị K thống nhất trình bày của anh N, vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ 01 xe môtô hiệu Future biển số 66L1-03964 màu đen xám vàng do chị K đứng tên, 01 xe cúp 81 (không có giấy tờ). Hiện 02 xe chị K đang quản lý. Anh N, chị K thỏa thuận chị K được tiếp tục quản lý sử dụng và không trả giá trị cho anh N.

+ 01 dàn láp, 07 ống bọng, 01 chiếc xuồng (không có giấy tờ). Hiện tài sản anh N đang quản lý sử dụng. Anh N, chị K thoả thuận anh N được tiếp tục quản lý sử dụng và không trả giá trị cho chị K.

+ Xe tải hiệu Kia (trọng lượng 1,4 tấn), biển số 63L-6156 do anh Nguyễn Diệp T đứng tên chủ sở hữu, anh N đang quản lý, giá trị sử dụng anh N, chị K thoả thuận thống nhất giá trị xe tải hiệu Kia còn lại 100.000.000đ và lợi nhuận thu từ xe (2015-2016) là 20.000.000đ. Anh N và chị K thoả thuận, anh N chia cho chị K 60.000.000đ (½ giá trị xe + lợi nhuận). Anh N được sở hữu xe tải hiệu Kia.

+ Motor bơm nước (03 ngựa), chị K đang quản lý, giá trị còn lại 4.000.000đ anh N yêu cầu được sở hữu motor bơm nước, anh N đồng ý trả ½ giá trị motor là 2.000.000đ cho chị K.

Tổng cộng tài sản chung thống nhất thỏa thuận trị giá 124.000.000đ chị K đồng ý anh N được sở hữu tài sản xe tải, motor và anh N chia ½ giá trị tài sản cho chị K là 62.000.000đ**.**

+ Tiền gởi tiết kiệm tại Ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL (nay là Ngân hàng đầu tư và phát triển) Phòng giao dịch Nha Mân số tiền 200.000.000đ do chị K đứng tên chủ tài khoản, gởi từ năm 2010, có tiền lãi. Chị K xác định thời điểm vợ chồng còn sống chung chị đã rút hết số tiền gởi tiết kiệm để chi tiêu sinh hoạt gia đình, lo cho con ăn học, không còn. Do đó, chị K không đồng ý chia cho anh N 100.000.000đ.

+ Đối với số tiền đầu tư đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Đồng Tháp và số tiền đầu tư đào ao nuôi cá ở xã Tân Dương, Lai Vung, Đồng Tháp anh N và chị K thỏa thuận thống nhất số tiền đầu tư đào ao nuôi cá tại An Hiệp 100.000.000đ, ao ở Tân Dương 100.000.000đ nên không yêu cầu Toà tiến hành thẩm định. Chị K yêu cầu được chia số tiền 50.000.000đ đầu tư đào ao nuôi cá ở xã Tân Dương và chị K không đồng ý chia chi phí đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp cho anh N. Đối với cá trong ao chị K không yêu cầu tranh chấp.

- *Về nợ chung*: Chị K xác định có nợ tiền mua cá bột của anh D là 30.000.000đ, chị K đồng ý trả cho anh D 15.000.000đ, anh N trả cho anh D 15.000.000đ.

Đối với số tiền 100.000.000đ (nợ Ngân hàng Công thương chi nhánh Sa Đéc) anh N yêu cầu chị K trả lại, theo chị K số tiền anh N vay tại Ngân hàng Công thương anh N sử dụng mục đích gì chị K không biết nên không đồng ý trả 100.000.000đ cho anh N. Ngoài ra, không còn ý kiến gì khác.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày:

Khoảng năm 2008 anh D có bán cá bột cho vợ chồng anh N, chị K nhiều lần, hình thức mua bán gối đầu. Đến năm 2012 kết sổ tổng cộng anh N, chị K còn nợ anh D số tiền 30.000.000đ, hiện chưa thanh toán.

Nay anh D yêu cầu anh N, chị K trả số tiền nợ cá bột là 30.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh D không ý kiến gì khác.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST, ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn N. Anh Phan Văn N và chị Võ Thị Đăng K ly hôn.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Đăng K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Thị Mộng Tuyền, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng Thu, sinh ngày 01/01/2002 (hiện con đang sống với chị K).

Anh Phan Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Phan Thị Mộng T, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng T, sinh ngày 01/01/2002 mỗi cháu 1.000.000đ một tháng cho đến khi cháu T, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn N, chị Võ Thị Đăng K về việc anh N, chị K yêu cầu mỗi người được chia ½ xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156 và lợi nhuận của việc chạy xe, motor bơm nước (03 ngựa) tổng giá trị tài sản là 124.000.000đ.

Anh Phan Văn N chia tài sản chung cho chị Võ Thị Đăng K ½ giá trị xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156, motor bơm nước là 62.000.000đ.

Anh Phan Văn N được quyền quản lý sử dụng xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156 (hiện anh N đang quản lý), motor bơm nước 03 ngựa màu xám (không có nhãn hiệu và hiện chị K đang quản lý) chị K có trách nhiệm giao motor 3 ngựa (màu xám) cho anh N quản lý sử dụng.

Bác yêu cầu của anh Phan Văn N về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với số tiền gởi tiết kiệm 100.000.000đ, tiền đầu tư đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp 50.000.000đ.

Bác yêu cầu của chị Võ Thị Đăng K về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với ½ giá trị chi phí đào ao nuôi cá xã Tân Dương số tiền 50.000.000đ.

Ghi nhận sự tự thoả thuận của anh N, chị K về phần tài sản chung gồm các tài sản sau:

Chị K được tiếp tục quản lý sử dụng 01 xe môtô hiệu Future biển số 66L1-03964 màu đen xám vàng do chị K đứng tên, 01 xe cúp 81 không có giấy tờ, (hiện các tài sản chị K đang quản lý).

Anh N được tiếp tục quản lý sử dụng 01 dàn láp, 07 ống bọng, 01 chiếc xuồng không có giấy tờ, (hiện các tài sản này anh N đang quản lý sử dụng).

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu (độc lập) của anh Nguyễn Văn D về việc yêu cầu anh N, chị K liên đới trả tiền nợ bột cá là 30.000.000đ.

Anh N, chị K liên đới trả anh Nguyễn Văn D số tiền 30.000.000đ (anh N trả 15.000.000đ, chị K trả 15.000.000đ).

Bác yêu cầu của anh Phan Văn N về việc yêu cầu chị Võ Thị Đăng K trả số tiền 100.000.000đ anh N trả nợ Ngân hàng Công Thương.

Về án phí: Anh Phan Văn N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, án phí dân sự sơ thẩm là 4.150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 06310 ngày 14/12/2016 và biên lai thu số 01267 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc, được khấu trừ vào án phí phải nộp. Anh N được nhận lại 3.550.000đ.

Chị Võ Thị Đăng K nộp 3.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu số 01275 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc, được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị K còn phải nộp 1.050.000đ.

Anh Nguyễn Văn D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 013970 ngày 27/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2018, anh Phan Văn N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Anh yêu cầu chị Võ Thị Đăng K có trách nhiệm trả 100.000.000 đồng mà anh đã trả nợ cho Ngân hàng công thương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Văn N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét buộc chị K có trách nhiệm trả lại cho anh 100.000.000 đồng mà anh đã trả cho Ngân hàng công thương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh N;

- Đối với số tiền vay 200.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Sa Đéc) anh N đã trả Ngân hàng xong, nên anh N yêu cầu chị K trả lại 100.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị K cho rằng tại thời điểm vợ chồng còn sống chung anh N vay tiền tại Ngân hàng Công thương chị K có ký tên hợp đồng thế chấp, nhưng anh N là người trực tiếp nhận tiền và sử dụng tiền, chị K không có sử dụng. Sau đó, vợ chồng nuôi cá có lợi nhuận anh N đã trả nợ Ngân hàng xong, sau này anh N vay lại thì chị K không biết và chị cũng không có sử dụng tiền (do thời điểm anh N vay lại lần thứ 3 vợ chồng không còn sống chung) nên chị không đồng ý trả anh N số tiền 100.000.000đ. Về phía anh N cũng không có chứng cứ chứng minh chị K có sử dụng tiền vay. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của chị K là có cơ sở, vì tại phiên tòa phúc thẩm anh N trình bày vào năm 2013 vợ chồng vay số tiền là 200.000.000 đồng khi đến hạn trả nợ thì anh thừa nhận tiền của vợ chồng 110.000.000 đồng và chỉ mượn thêm ông Hiền 90.000.000 đồng, sau đó vay lại lần hai thì lấy trả tiền cho ông Hiền; lần vay thứ hai đến hạn trả nợ vào tháng 4 năm 2015 anh N thừa nhận lúc này vợ chồng cũng đã bán cá lần cuối cùng nuôi ở Bình Thạnh để trả cho Ngân hàng (anh N thừa nhận nuôi cá có lời) như vậy ông Năm cho rằng có vay tiền của bà Thủy Lùng để trả Ngân hàng sau đó vay lại để trả (ông Năm không thể chứng minh việc vay của bà Thủy Lùng) cho bà Thủy Lùng là không có cơ sở. Ngoài ra về ngày tháng năm bán cá cụ thể thì các đương sự không nhớ nhưng điều thừa nhận đến khi trả nợ lần hai là tiền bán cá và tất cả các lần giao dịch thì chị K chỉ có ký tên thế chấp quyền sử dụng một lần còn việc thủ tục vay, nhận tiền, sử dụng tiền và trả tiền đều do anh N thực hiện và giao dịch, do đó anh N yêu cầu chị K trả lại 100.000.000 đồng nợ Ngân hàng Công thương (Chi nhánh Sa Đéc) là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Phan Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ–ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn N. Anh Phan Văn N và chị Võ Thị Đăng K ly hôn.

- Về con chung: Chị Võ Thị Đăng K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Thị Mộng T, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng T, sinh ngày 01/01/2002 (hiện con đang sống với chị K).

Anh Phan Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Phan Thị Mộng T, sinh ngày 16/5/2000, Phan Thị Mộng T, sinh ngày 01/01/2002 mỗi cháu 1.000.000đ một tháng cho đến khi cháu T, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn N, chị Võ Thị Đăng K về việc anh N, chị K yêu cầu mỗi người được chia ½ xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156 và lợi nhuận của việc chạy xe, motor bơm nước (03 ngựa) tổng giá trị tài sản là 124.000.000đ.

Anh Phan Văn N chia tài sản chung cho chị Võ Thị Đăng K ½ giá trị xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156, motor bơm nước là 62.000.000đ.

Anh Phan Văn N được quyền quản lý sử dụng xe tải hiệu Kia biển số 63L-6156 (hiện anh N đang quản lý), motor bơm nước 03 ngựa màu xám (không có nhãn hiệu và hiện chị K đang quản lý) chị K có trách nhiệm giao motor 3 ngựa (màu xám) cho anh N quản lý sử dụng.

Bác yêu cầu của anh Phan Văn N về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với số tiền gởi tiết kiệm 100.000.000đ, tiền đầu tư đào ao nuôi cá ở xã An Hiệp 50.000.000đ.

Bác yêu cầu của chị Võ Thị Đăng K về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với ½ giá trị chi phí đào ao nuôi cá xã Tân Dương số tiền 50.000.000đ.

Ghi nhận sự tự thoả thuận của anh N, chị K về phần tài sản chung gồm các tài sản sau:

Chị K được tiếp tục quản lý sử dụng 01 xe môtô hiệu Future biển số 66L1-03964 màu đen xám vàng do chị K đứng tên, 01 xe cúp 81 không có giấy tờ, (hiện các tài sản chị K đang quản lý).

Anh N được tiếp tục quản lý sử dụng 01 dàn láp, 07 ống bọng, 01 chiếc xuồng không có giấy tờ, (hiện các tài sản này anh N đang quản lý sử dụng).

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu (độc lập) của anh Nguyễn Văn D về việc yêu cầu anh N, chị K liên đới trả tiền nợ bột cá là 30.000.000đ.

Anh N, chị K liên đới trả anh Nguyễn Văn D số tiền 30.000.000đ (anh N trả 15.000.000đ, chị K trả 15.000.000đ).

Bác yêu cầu của anh Phan Văn N về việc yêu cầu chị Võ Thị Đăng K trả số tiền 100.000.000đ anh N trả nợ Ngân hàng Công Thương.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Phan Văn N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, án phí dân sự sơ thẩm là 4.150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 06310 ngày 14/12/2016 và biên lai thu số 01267 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố S, được khấu trừ vào án phí phải nộp. Anh N được nhận lại 3.550.000đ.

Chị Võ Thị Đăng K nộp 3.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu số 01275 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố S, được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị K còn phải nộp 1.050.000đ.

Anh Nguyễn Văn D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 013970 ngày 27/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Về án phí phúc thẩm: Anh Phan Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 01384 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KTNV& THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Đương sự;
- Lưu: VT,HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy